

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Văn Thành**

Các Thẩm phán: Ông **Tô Chánh Trung**

Ông **Phan Đức Phương**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Lê Đỗ Hồng Quân** – Thư ký
Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Tấn Thông** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành Phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 207/2017/TLPT-HS ngày 05 tháng 5 năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Thanh L do có kháng cáo của bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với bản án hình sự sơ thẩm số 11/2017/HSST ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Thanh L, sinh năm 1954;

Nơi ĐKKHKT: số 07, đường số 02, khu phố B, phường TT, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở hiện nay: ấp B, xã PT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: nuôi cá; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Nguyễn Văn L (chết) và bà Lê Thị Ng (chết); Có vợ Nguyễn Thị Kim M, sinh năm 1958; Có 02 người con, lớn sinh năm 1989, nhỏ sinh năm 1990; Tiền án, tiền sự: không; Tạm giam ngày 16/8/2011 (có mặt).

- *Người bào chữa* : Luật sư Bùi Thanh Nh thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo L (có mặt).

- *Người bị hại*: Ông Võ Văn L2, sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ: số 22, đường BTH, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp (số cũ).

Chỗ ở hiện nay: số 849, tổ 7, ấp PX, thị trấn CV, huyện PT, tỉnh An Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Kim M, sinh năm 1958 (có mặt);

Địa chỉ: ấp B, xã PT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thanh L đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 07, đường số 02, khu phố B, phường TT, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 2009, L về Đồng Tháp nuôi trồng thủy sản trên diện tích 22.956m² của vợ chồng L, tọa lạc tại ấp B, xã PT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp và thuê ao nuôi cá ở xã Tịnh Thới, TP.CL, tỉnh Đồng Tháp.

Ngoài ra, L còn mở cửa hàng kinh doanh thức ăn thủy sản tại phường An Thành, thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp. Từ đó, L quen biết nhiều người trong ngành nghề chăn nuôi cá tra và mua bán thức ăn thủy sản, trong đó có ông Võ Văn L2, sinh năm 1966, ngụ số 22, đường BTH, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp.

Trong khoảng thời gian từ ngày 19/9/2009 đến ngày 30/4/2010, L đã nhiều lần mua thức ăn, thuốc thủy sản và mượn tiền của ông L2 với tổng số tiền là 1.755.364.000 đồng.

Ngày 01/5/2010 hai bên lập biên bản đối chiếu công nợ thể hiện từ ngày 19/9/2009 đến ngày 30/4/2010 bị cáo L nợ ông L2 tổng số tiền là 1.755.364.000 đồng.

Do bị cáo L chưa trả tiền cho ông L2 nên đến ngày 31/10/2010 hai bên tiếp tục lập biên bản đối chiếu công nợ, ghi nhận bị cáo L vẫn còn nợ ông L2 số tiền này.

Sau đó, bị cáo L tự ý ghi thêm vào biên bản đối chiếu công nợ nội dung: *“bản này có giá trị để và có đưa cho 7 Lợi 3.500.000đ để đối phó, thực tế không có nợ. đi hầu kiện bình dương. ngày 19/12/2010”* và không trả tiền, vì cho rằng mình không có nợ tiền của ông L2, nên ông L2 làm đơn tố cáo.

Trong quá trình điều tra, Nguyễn Thanh L không thừa nhận có nợ ông L2 số tiền 1.755.364.000 đồng. Việc L ký vào công nợ này là theo yêu cầu của ông L2 nhằm mục đích để ông L2 đối phó với Công ty Aquafeed Cửu Long, vì ông L2 còn nợ tiền Công ty Aquafeed Cửu Long, chứ L không có mượn tiền và nợ tiền mua thức ăn, thuốc thủy sản. Đồng thời, L cung cấp "Biên bản đối chiếu công nợ" giữa L và ông L2 vào ngày 31/10/2010 (bản do L giữ) trên đó L đã tự ý ghi thêm dòng chữ *“bản này có giá trị để và có đưa cho 7 Lợi 3.500.000đ để đối phó, thực tế không*

có nợ. đi hầu kiện bình dương. ngày 19/12/2010”, phía dưới dòng chữ này có chữ ký tên và L cho rằng đây là chữ ký của ông L2.

Theo kết luận giám định số 1586 ngày 25/11/2011 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp thì dòng chữ : *“bản này có giá trị để và có đưa cho 7 Lợi 3.500.000đ để đối phó, thực tế không có nợ. đi hầu kiện bình dương. ngày 19/12/2010”* là chữ viết của L, còn chữ ký phía dưới dòng chữ thì không xác định được người ký.

Tại kết luận giám định số 325/C54B ngày 04/3/2015 của Phân viện khoa học hình sự - Bộ Công an cũng xác định: Không đủ cơ sở kết luận chữ ký phía dưới dòng chữ *“bản này có giá trị để và có đưa cho 7 Lợi 3.500.000đ để đối phó, thực tế không có nợ. đi hầu kiện bình dương. ngày 19/12/2010”* trên tài liệu cần giám định ký hiệu A3 so với chữ ký đứng tên Nguyễn Thanh L trên các tài liệu được ký hiệu từ M1 đến M5 hay so với chữ ký đứng tên Võ Văn L2 trên các tài liệu được ký hiệu từ M6 đến M9 là có phải do cùng một người ký ra hay không.

Đối với bà Nguyễn Thị Kim M (vợ của L): Quá trình điều tra xác định việc vay mượn tiền và mua thức ăn, thuốc thủy sản của Võ Văn L2 là do Nguyễn Thanh L trực tiếp thực hiện, không có bàn bạc với bà Mai, và bà Mai không tham gia ký nhận nợ cùng với L.

Ngoài ra, Nguyễn Thanh L còn nợ ông Võ Văn L2 600 triệu đồng mà bị cáo đã vay vào ngày 26/01/2010 để đáo nợ Ngân hàng và nợ ông Nguyễn Việt Cường 893 triệu đồng tiền hùn vốn mua bán cá tra giống, tổng cộng 02 khoản là 1.493.000.000 đồng, là tranh chấp dân sự. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Tháp đã có văn bản hướng dẫn ông L2 và ông Cường khởi kiện Nguyễn Thanh L tại Tòa án nhân dân huyện CL để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.

Tài sản kê biên, tạm giữ: Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Tháp đã kê biên, tạm giữ tài sản của Nguyễn Thanh L và Nguyễn Thị Kim M (vợ của L) như sau:

1/ Nhà và đất ở tại số 07, đường số 02, khu phố 07, phường TT, quận TĐ, Tp.Hồ Chí Minh (Biên bản kê biên tài sản ngày 24/8/2011), trị giá 1.645.311.000 đồng.

2/ Quyền sử dụng đất tại ấp B, xã PT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp (Biên bản kê biên tài sản ngày 26/10/2011) 10.567m² đất, cây ăn trái, vật kiến trúc, ống dẫn nước và khối lượng đất đào ao, có tổng trị giá là 1.145.752.497 đồng.

3/ Tạm giữ 01 thẻ ATM mang tên Nguyễn Thanh L do Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp cấp, số tài khoản 0610.000.343 865, số dư đến ngày 15/3/2012 là 335.896 đồng.

4/ Tạm giữ số tiền 320.158.500 đồng (tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng một phần nhà, đất ở phường TT, quận TĐ) của Nguyễn Thanh L và bà Nguyễn Thị Kim M (Hiện cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Tháp đang quản lý số tiền này).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 11/2017/HSST ngày 23 tháng 3 năm 2017, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thanh L phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 140; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thanh L 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/8/2011.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý tài sản, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 31/3/2017 bị cáo Nguyễn Thanh L kháng cáo kêu oan.

Ngày 3/4/2017 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị Kim M kháng cáo kêu oan cho chồng là Nguyễn Thanh L và yêu cầu xem xét giải tỏa kê biên tài sản chung của vợ chồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thanh L giữ nguyên kháng cáo kêu oan, với lý do: ký xác nhận nợ 1.755.364.000 đồng để giúp Lợi đối phó với công nợ của Lợi với Công ty Aquafeed Cửu Long, thực tế không có nợ, nên không trả nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị Kim M giữ nguyên kháng cáo, kêu oan cho chồng là bị cáo L và yêu cầu giải tỏa kê biên tài sản chung của vợ chồng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ, đại diện Viện kiểm sát kết luận: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Thanh L về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ, đúng pháp luật. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, xem xét các tình tiết giảm nhẹ và nhân thân, xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh L 8 năm tù là thỏa đáng. Việc kê biên, tạm giữ tài sản là để bảo đảm thi hành án. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo L và người liên quan là bà Mai, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo L trình bày: Bị cáo L ký biên bản đối chiếu công nợ trong hoàn cảnh L trên đường đi Hồng Ngự. Lợi nhờ L ký để đối phó với công nợ giữa Lợi với Công ty Aquafeed Cửu Long. Hẹn gặp ở quán cà phê, Lợi

móc trong túi ra 02 biên bản nhờ ký. Khi ký xong 01 biên bản thì Lợi giật lấy, rồi đưa lại biên bản đối chiếu không có ghi ngày tháng. Lúc này, L còn đưa cho Lợi 3,5 triệu đồng để đi phiên tòa tại Bình Dương. Biên bản đối chiếu công nợ này không có tài liệu, chứng từ đối chiếu nên không có giá trị, là xác nhận nợ giả tạo, nên không có giá trị để kết tội. Ngoài ra, Lợi còn nợ L hơn 83 triệu đồng, xác nhận nợ là giả cách, không có hành vi chiếm đoạt nên không cấu thành tội phạm. Cơ quan điều tra xử lý vật chứng đối với khoản tiền 300 triệu của bị cáo L được trả nợ là không đúng, là vi phạm tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh L không phạm tội và thu hồi số tiền 300 triệu đồng, là tiền của bị cáo L.

Bị cáo Nguyễn Thanh L trình bày: Lợi đang nợ nần bỏ trốn, làm gì có thức ăn nuôi cá để bán, làm gì có tiền mặt để cho bị cáo mượn hàng trăm triệu đồng, làm gì có thuốc thủy sản để bán cho bị cáo. Lợi có bán cho bị cáo 19 tấn thức ăn cho cá, còn so với số tiền hơn 1,7 tỷ đồng thì số lượng thức ăn lên đến 100 tấn, là khối lượng không nhỏ và thức ăn của Lợi bán cũng không phù hợp với thức ăn cá tra mà bị cáo L nuôi. Lấy việc chuyên chở thức ăn, bốc vác để kết tội bị cáo là hình sự hóa vụ án. Khoản nợ 1.755.364.000 đồng là không có thật, oan ức cho bị cáo. Bị cáo ký xác nhận nợ để Lợi đối phó với Công ty Aquafeed Cửu Long là có thật vì Công ty Aquafeed Cửu Long đã có văn bản trả lời là Lợi có nói cần trừ khoản nợ 1,7 tỷ đồng. Hơn nữa bị cáo làm ăn có uy tín, quan hệ với nhiều công ty với giao dịch nhiều tỷ đồng, nên không thể lừa Lợi.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp: Luật sư cho rằng biên bản đối chiếu công nợ là chứng cứ giả tạo, không có giá trị là không đúng vì bị cáo thừa nhận đã ký và chữ ký của bà Mai cũng được bị cáo thừa nhận ký giả cho bà Mai. Còn nợ của Công ty Aquafeed Cửu Long thì ông L2 không dùng biên bản đối chiếu công nợ này đưa cho công ty để cần trừ nợ.

Luật sư tranh luận: trong biên bản đối chiếu công nợ, bà Mai không ký, là giả tạo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Thanh L vẫn giữ nguyên kháng cáo kêu oan, với lý do: ký xác nhận nợ 1.755.364.000 đồng để giúp Lợi đối phó với

công nợ của Lợi với Công ty Aquafeed Cửu Long, thực tế không có nợ, nên không trả nợ.

Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện:

1/ Về các Biên bản đối chiếu công nợ số tiền 1.755.364.000 đồng:

- *Đối với Biên bản đối chiếu công nợ ngày 1/5/2010 (BL.236)* hai bên đối chiếu các khoản giao nhận từ 19/9/2009 đến 30/4/2010, xác định số tiền phải thanh toán là 1.755.364.000 đồng, bao gồm các khoản:

1/- Phần thức ăn + thuốc 236.625.000 đồng.

2/- Phần tiền mặt anh bảy: 667.179.000 đồng.

3/- Các khoản khác: - Nhận thức ăn đợt II: 465.000.000 đồng.

- Nhận thức ăn đợt III: 386.560.000 đồng.

Tổng cộng đến 31/10/2010 là 1.755.364.000 đồng.

Số tiền tới hạn phải thanh toán 1.755.364.000 đồng.

- Ông Lợi khai Biên bản đối chiếu công nợ ngày 1/5/2010, có ghi rõ các khoản nợ cụ thể trong thời hạn từ 19/9/2009 đến 30/4/2010 do ông L2 nhờ Giáo là kế toán của ông L2 đưa cho L ký đối chiếu.

Tại Biên bản đối chất ngày 28/3/2011 (BL.248,249) giữa Võ Văn L2 và Nguyễn Thanh L, L khai nhận như sau: “Anh Giáo đem biên bản đối chiếu công nợ đến trạm nuôi cá xã PT đưa cho tôi nhưng tôi nói là không có nợ anh Lợi và Giáo giả chữ ký của tôi ký vào biên bản và đưa lại cho tôi một biên bản đối chiếu công nợ”.

Như vậy, L thừa nhận có 02 Biên bản đối chiếu công nợ ngày 1/5/2010, do Giáo đưa đến cho L ký, rồi giao L 1 bản và đưa cho ông L2 1 bản. Lời khai này của bị cáo L phù hợp với lời khai của ông L2 về việc Biên bản đối chiếu ngày 1/5/2010 là ông L2 nhờ Giáo đưa đến cho L ký. Và 01 bản giao cho L đã được thu giữ của L theo biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 16/8/2011 (BL.544).

Như vậy, có việc lập Biên bản đối chiếu công nợ ngày 1/5/2010 giữa ông L2 và L từ ngày 19/9/2009 đến 30/4/2010. Nhưng L không thừa nhận đã ký biên bản đối chiếu này và nói chữ ký trong biên bản là do Giáo giả chữ ký của L, với lý do không có nợ. Tại Kết luận giám định số 1586/KLGĐ-PC54 ngày 25/11/2011 về giám định chữ ký trên Biên bản đối chiếu công nợ ngày 1/5/2010, kết luận có khả năng là L ký và viết ra.

- *Đối với Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/10/2010 (BL.237)* ghi lại các khoản giao nhận từ 19/9/2009 đến ngày 30/4/2010. Nội dung các khoản nợ này là phù hợp với các khoản nợ chi tiết đã đối chiếu theo Biên bản đối chiếu 1/5/2010 nhưng phát sinh thêm lãi, với lãi suất 1,2% /tháng,

Theo ông L2 khai, sau khi đối chiếu công nợ ngày 1/5/2010, ông L2 đòi thanh toán nhiều lần nhưng L né tránh, không thanh toán nợ, nên sau đó hai bên hẹn gặp nhau và ký tại quán cà phê. Do L không trả nợ nên phải chịu lãi với lãi suất 1,2% /tháng. L ký xong 2 bản thì ông L2 giữ 1 bản, còn L yêu cầu ông L2 đưa cho L 01 bản để so sánh đối chiếu, không có ghi ngày tháng năm.

L thừa nhận chữ ký trong Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/10/2010 đã ký tại quán cà phê và còn ký giả chữ ký của vợ bị cáo là bà Mai là phù hợp với kết quả giám định, phù hợp với Biên bản đối chiếu công nợ không ghi ngày tháng năm (BL.556) thu giữ của L theo biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 16/8/2011.

Như vậy, có căn cứ xác định khoản nợ 1.755.364.000 đồng là có thật, đã được hai bên đặt ra đối chiếu từ tháng 5/2010, đã qua 2 lần đối chiếu, các khoản nợ đối chiếu có số liệu cụ thể, một lần tại xã PT và một lần tại quán cà phê. Lời khai của bị cáo và bị hại phù hợp với thực tế đối chiếu công nợ và tài liệu, chứng cứ thu giữ của bị cáo L.

2/ Về lý do ký nhận nợ không để giúp Lợi đối phó với Công ty Aquafeed Cửu Long:

Bị cáo L thừa nhận chữ ký xác nhận nợ trong Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/10/2010 nhưng L cho rằng thực tế là không có nợ, lý do ký xác nhận nợ là giúp Lợi đối phó với Công ty Aquafeed Cửu Long.

Tại Biên bản đối chiếu thu giữ tại nhà L không ghi ngày tháng năm, bên nhận nợ có chữ ký của L, phía dưới có thêm 3 dòng chữ: *“bản này có giá trị để và có đưa cho 7 Lợi 3.500.000đ để đối phó, thực tế không có nợ. đi hầu kiện bình dương. ngày 19/12/2010”* thì dòng chữ do L viết ra, còn chữ ký dưới 3 dòng chữ thì L khai là chữ ký của Lợi. Nhưng Lợi không thừa nhận chữ ký này và kết luận giám định xác định không có cơ sở xác định đây là chữ ký của Lợi.

Tại Biên bản phiên tòa ngày 21/01/2013, Chủ tọa phiên tòa là Thẩm phán Bùi Phước Lộc và thư ký phiên tòa là Nguyễn Thị Duyên, trong phần hỏi đáp, Chủ tọa phiên tòa có hỏi ông L2:

- Anh có thừa nhận là anh nhờ bị cáo Nguyễn Thanh L ký nhận nợ số tiền 1.755.364.000 đồng là để giúp đối phó với công ty Aquafeed không? Ông Lợi trả lời: Đúng.

Nhưng phiên tòa này hoãn nên nội dung hỏi này chưa được xác định lại.

Đến phiên tòa xét xử sơ thẩm ngày 3/5/2013 (BL.994-1010) do Thẩm phán Bùi Phước Lộc chủ tọa phiên tòa và thư ký Phan Thành Nhân. Phiên tòa này là phiên xử sơ thẩm lần 1, phần hỏi có đề cập lại nội dung này với ông L2:

- Khoảng thời gian từ ngày 19/9/2009 đến 30/4/2010 anh cho bị cáo vay tiền nhiều lần rồi có làm biên nhận không? Ông Lợi trả lời: Có tờ biên nhận đang hoàng.

- Còn biên nhận anh nhờ bị cáo ký có đúng không? Do bị cáo tự nói.

Tại biên bản phiên tòa phúc thẩm ngày 10/9/2013 (BL.1098-1111), Chủ tọa hỏi: Tại biên bản sơ thẩm ông có khai là số 1.755.364.000 đồng là do ông nhờ ký tên vào bản công nợ nhằm mục đích để đối phó với Công ty Aquafeed Cửu Long. Ông Lợi trả lời : “Dạ, không” (BL.1103).

Tại biên bản ghi lời khai ngày 14/1/2014 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp (BL.1185-1186) khi hỏi ông L2: Tại phiên tòa ngày 21/1/2013 anh có thừa nhận là anh nhờ bị cáo Nguyễn Thanh L ký nhận nợ số tiền 1.755.364.000 đồng để đối phó với công ty Aquafeed không? Ông Lợi trả lời: hoàn toàn không có việc này.

Tại Bản Kết luận điều tra lại vụ án (lần 2) số 03/KLĐT-PC44 ngày 9/4/2015 của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đồng Tháp có nội dung:

- Cản trừ nợ với Aquafeed là có, lúc đầu tháng 5/2010 L có chỉ nhà và hứa sẽ vay ngân hàng trả 200 triệu đến 300 triệu nhưng sau đó tháng 9/2010 thì L nói nợ của Lợi, chứ không có nợ của công ty và không trả.

- Biên bản phiên tòa ngày 21/1/2013 có ghi nhờ L ký xác nhận nợ để đối phó, là không đúng. Theo ông L2 là thư ký phiên tòa ghi sai, bản thân Lợi đã làm đơn tố cáo L lừa đảo số tiền 2.355.364.000 đồng nên không lý do nào lại nói nhờ bị cáo L ký.

Ngoài ra, trong quá trình điều tra xác định ông L2 không sử dụng Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/10/2010 cho Tòa án vào ngày 20/12/2010 và cũng không sử dụng biên bản này giao cho Công ty Aquafeed Cửu Long để cản trừ nợ.

Tổng hợp các tài liệu, chứng cứ nêu trên thì có căn cứ xác định: Do quen biết với ông Võ Văn L2, trong khoảng thời gian từ ngày 19/9/2009 đến ngày 30/4/2010 Nguyễn Thanh L đã nhiều lần mua thức ăn, thuốc thủy sản và mượn tiền của ông L2 với tổng số tiền là 1.755.364.000 đồng; công nợ đã được đối chiếu.

Bị cáo L không thừa nhận nợ, không đồng ý trả nợ, và phía dưới bản đối chiếu công nợ ngày 31/10/2010 L ghi thêm 3 dòng chữ: *“bản này có giá trị để và có đưa cho 7 Lợi 3.500.000đ để đối phó, thực tế không có nợ. đi hầu kiện bình dương. ngày 19/12/2010”* để cho rằng L ký xác nhận nợ giúp Lợi đối phó với Công ty Aquafeed Cửu Long, là không đúng với thực tế, là dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt khoản nợ nêu trên.

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Thanh L về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại Điều 140 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Bị cáo chiếm đoạt số tiền 1.755.364.000 đồng thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 140 Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác, ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, cần phải xử lý nghiêm mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo L, đã áp dụng điểm a khoản 4 Điều 140; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh L 08 năm tù, dưới mức khởi điểm của khung hình phạt, là có chiều cõ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo L kêu oan với lý do đối chiếu công nợ là để giúp cho ông L2 đối phó với Công ty Aquafeed Cửu Long, là không đúng với thực tế đối chiếu và xác nhận nợ giữa hai bên vì số liệu này đã được hai bên đối chiếu và ký nhận đối với từng khoản nợ cụ thể. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo và quan điểm bào chữa của luật sư.

- Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị Kim M:

Theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 146 Bộ luật tố tụng hình sự thì việc kê biên tài sản của bị cáo L để bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật. Do đó, phần tài sản của bị cáo L trong khối tài sản chung của vợ chồng, phải được kê biên để bảo đảm thi hành án đối với khoản bồi thường thiệt hại của bị cáo L.

Do đó, kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị Kim M về xem xét giải tỏa kê biên tài sản của bị cáo L trong khối tài sản chung của vợ chồng, là không có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thanh L và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị Kim M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thanh L phạm tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*".

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 140; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự.

Xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Thanh L 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/8/2011.

- Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Bị cáo Nguyễn Thanh L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Tp. HCM;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Cục THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Công an tỉnh Đồng Tháp;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Tháp;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp 02
bản; (Tổng đạt cho bị cáo 1b);
- Người bị hại (theo địa chỉ, 2);
- Người liên quan (theo địa chỉ);
- Lưu (3) 18b (HQ)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Thành

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Đức Phương

Tô Chánh Trung

Đặng Văn Thành